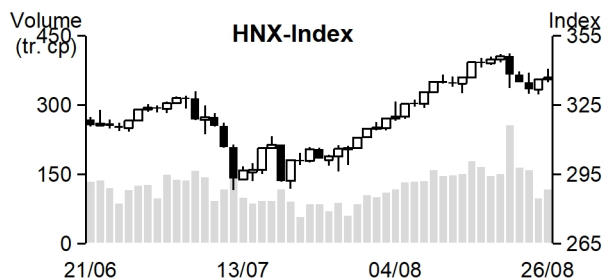
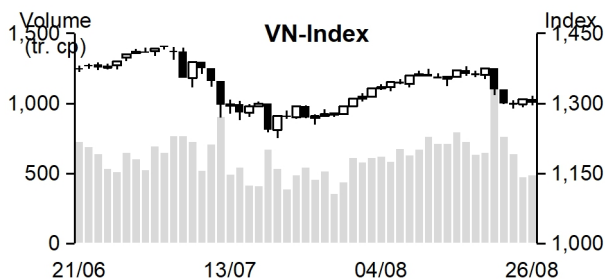


26/08/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,301.12	-0.64%	1,412.45	-1.12%	336.85	0.25%
Tổng KLGD (tr. cp)	521.47	0.50%	160.34	-0.41%	129.63	6.19%
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	496.06	3.44%	152.19	-0.70%	118.86	18.70%
TB 20 phiên (tr. cp)	681.34	-27.19%	214.21	-28.95%	145.76	-18.45%
Tổng GTGD (tỷ VND)	17,653.83	6.44%	7,960.04	-4.35%	3,275.47	11.73%
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	16,705.18	10.09%	7,533.23	-3.49%	2,968.86	30.21%
TB 20 phiên (tỷ VND)	21,849.83	-23.55%	10,886.42	-30.80%	3,564.44	-16.71%
	Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %	
Số mã tăng	189	46%	6	20%	114	31%
Số mã giảm	180	44%	24	80%	100	27%
Số mã đứng giá	39	10%	0	0%	154	42%



ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Tiếp nối đà tăng mạnh của phiên giao dịch hôm qua, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục mở cửa đi lên với điểm nhấn đến từ sự khởi sắc của các nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ. Trong đó, tiêu biểu nhất chính là nhóm cảng biển với nhiều cổ phiếu bứt phá mạnh cùng khối lượng đột biến. Ngoài ra, nhiều nhóm ngành khác như phân bón, dệt may, than đá,... cũng chốt phiên với mức tăng điểm khá ấn tượng. Trong khi đó, các cổ phiếu Bluechips có diễn biến giao dịch giằng co trước khi áp lực bán bất ngờ được đẩy lên cao vào cuối phiên khiến thị trường hạ nhiệt trở lại.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch duy trì ở dưới mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền tiếp tục đứng ngoài thị trường. Không những vậy, xu hướng giảm vẫn tiếp diễn, khi chỉ số duy trì đóng cửa dưới MA20, cùng với MA 5 cắt xuống dưới MA20 cho tín hiệu xác nhận xu hướng giảm hiện tại. Thêm vào đó, chỉ số không thể vượt qua được MA100 và giảm trở lại với nền phủ nhận nền tăng trước đó, cùng với MACD hướng xuống dưới Signal duy trì tín hiệu bán, cho thấy nỗ lực phục hồi kỹ thuật có thể đã thất bại, áp lực giảm điểm đang tăng lên, chỉ số đứng trước rủi ro rơi về vùng hỗ trợ 1,200 – 1,220 điểm (MA200) trong những phiên tới. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có phiên tăng nhẹ. Mặc dù vậy, chỉ số tạo nền đỡ thân hẹp cho tín hiệu lưỡng lự trước nỗ lực tăng điểm của hai phiên vừa qua, bên cạnh MACD vẫn nằm dưới Signal duy trì áp lực bán, do đó, trong trường hợp chỉ số không thể giữ được trên MA20 thì sẽ chịu áp lực giảm về hỗ trợ 319 điểm (MA50). Nhìn chung, thị trường nằm trong xu hướng giảm. Do đó, nhà đầu tư nên giữ quan điểm thận trọng để tránh rủi ro bị cuốn vào “Bull Trap”.

Cổ phiếu khuyến nghị: PPC (Mua)

Cổ phiếu quan sát: TCM, DPG, LCG

(Xem chi tiết ở trang 2)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	PPC	Mua	27/08/21	22.6	22.6	0.0%	24.6	8.8%	22.2	-1.8%	Cổ phiếu đang ở hỗ trợ mạnh và có cơ hội phục hồi trở lại

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	TCM	Quan sát mua	27/08/21	72.6	82	Nhịp giảm về MA200 yếu dần với nhiều nến thân nhỏ, có bóng + có nền rút chân kèm vol cao trở lại -> có cơ hội tạo đáy quanh đây, cần vượt 74 để xác nhận
2	DPG	Quan sát mua	27/08/21	38.3	43-44 47-48	Nến tăng tốt kèm vol cao trở lại, phù nhận nến giảm vol cao phía trước -> khả năng đã retest đỉnh cũ thành công, có thể canh mua quanh vùng 37.2-37.5
3	LCG	Quan sát mua	27/08/21	14.75	16 18.5-19	Khả năng đang trong nhịp retest hỗ trợ sau khi hoàn thành mẫu hình Hai đáy -> có thể canh mua quanh vùng 14-14.4

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	KBC	Mua	20/08/21	37.2	37.2	0.0%	41	10.2%	35.5	-5%	
2	DHA	Mua	26/08/21	44.8	44.55	0.6%	50	12.2%	43.3	-3%	

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

World Bank: Kiều hối năm 2021 của Việt Nam sẽ không suy giảm

Năm 2020, lượng kiều hối về Việt Nam vẫn đạt con số tích 17,2 tỷ USD. Con số này vượt ngoài dự đoán của của WB đưa ra vào tháng 11/2020 tại Báo cáo Di cư và Kiều hối với dự báo lượng kiều hối năm 2020 của Việt Nam sẽ giảm hơn 7% còn 15,7 tỷ USD - chiếm tỷ trọng 5,8% GDP.

Trong công bố báo cáo cập nhật dữ liệu kiều hối toàn cầu tháng 5, tổ chức này đã điều chỉnh ước tính lượng kiều hối về Việt Nam năm 2020 lên 17,2 tỷ USD như nêu và xác nhận Việt Nam tiếp tục nằm trong top 10 quốc gia nhận kiều hối nhiều nhất thế giới.

Theo chia sẻ của ông Nguyễn Hoàng Minh, Phó Giám đốc NHNN chi nhánh TP HCM, trong 6 tháng đầu năm 2021, lượng kiều hối đổ về Thành phố ước đạt 3,2 tỷ USD, tăng 22,34% so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo chuyên gia của Ngân hàng Thế giới (World Bank), kiều hối từ nay đến cuối năm 2021 đổ về Việt Nam có thể sẽ không có nhiều thay đổi.

Kim ngạch xuất khẩu cao su tháng 7 tăng gần 23%

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 7 tháng đầu năm, xuất khẩu cao su tăng cả khối lượng, kim ngạch so với cùng kỳ năm 2020. Cụ thể, Việt Nam xuất khẩu 918.791 tấn cao su, thu về gần 1.54 tỷ USD, tăng 34,2% về khối lượng, tăng 74,5% về kim ngạch.

Tính riêng tháng 7, xuất khẩu đạt 204.520 tấn tương đương 338,2 triệu USD, tăng lần lượt 25,3% về lượng và 22,8% về kim ngạch so với tháng 6.

Nhìn chung, xuất khẩu cao su 7 tháng đầu năm sang hầu hết các thị trường chủ đạo đều tăng cả lượng, kim ngạch so với cùng kỳ 2020. Trung Quốc là thị trường xuất khẩu chủ lực của cao su Việt Nam, chiếm 70% về lượng và 67% về giá trị.

Theo Statista, năm 2020, Việt Nam là quốc gia xuất khẩu cao su lớn thứ 5 trên thế giới với kim ngạch 755,7 triệu USD, chiếm 6,6% toàn cầu.

Nguồn: NDH, Cafef

Tin doanh nghiệp niêm yết

Masan Group cam kết với Alibaba sẽ IPO công ty 7 tỷ USD CrownX trước tháng 6/2026

Hồi giữa tháng 5 vừa qua, công ty con của Masan Group (HoSE: MSN) là CrownX đã phát hành 4.278.260 cổ phiếu cho các nhà đầu tư nước ngoài, gồm Alibaba, Thunbergia và Credit Suisse.

Số cổ phiếu này tương đương 5,5% vốn của CrownX và đem về cho công ty số tiền là 8.800 tỷ đồng, tương đương 400 triệu USD. Như vậy định giá CrownX khoảng 160.000 tỷ đồng (xấp xỉ 6,9 tỷ USD).

Theo thông tin mới được Masan Group tiết lộ, một phần trong thỏa thuận này là tập đoàn cam kết với nhóm nhà đầu tư ngoại sẽ "nỗ lực tối đa để thực hiện phát hành lần đầu ra công chúng (IPO) cổ phiếu của CrownX trước ngày 11/6/2026", và có thể được gia hạn tối đa một năm theo quyết định của Masan Group.

Trong trường hợp CrownX không thực hiện được IPO theo các điều kiện đã thỏa thuận, các nhà đầu tư ngoại sẽ có quyền chọn được yêu cầu SHERPA (công ty mẹ của CrownX) hoặc bên được chỉ định bởi SHERPA, mua cổ phần mà các nhà đầu tư ngoại đã mua trong vòng gọi vốn này, với mức giá đã được đồng ý trong thỏa thuận.

Hapaco chốt quyền trả cổ tức tiền mặt tỷ lệ 6%

Tập đoàn Hapaco (HoSE: HAP) thông báo ngày 13/9 đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông trả cổ tức tiền mặt năm 2020 tỷ lệ 6%. Ngày thanh toán dự kiến 13/10.

Năm 2020, doanh nghiệp giấy ghi nhận doanh thu giảm 11% xuống 335 tỷ đồng; lãi sau thuế tăng 70% lên 20 tỷ đồng. Với kết quả này, HĐQT trình và được cổ đông thông qua phương án chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 6%, tương đương mức thanh toán 33 tỷ đồng.

Mới đây, doanh nghiệp công bố Nghị quyết HĐQT thông qua hồ sơ phát hành 55,4 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn lên 1.111 tỷ đồng, tỷ lệ phân phối 1:1.

Nửa đầu năm, Hapaco báo cáo doanh thu tăng 33% lên 209 tỷ đồng; lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ 12,6 tỷ đồng, tăng 45% so với cùng kỳ năm trước.

Đầu tư NTP chi 700 tỷ đồng mua 70 triệu cổ phiếu DSC, nắm quyền chi phối

CTCP Đầu tư NTP vừa thông báo đã mua vào 70 triệu cổ phiếu DSC của CTCP Chứng khoán Đà Nẵng (tỷ lệ 70%) và trở thành cổ đông lớn. Trước giao dịch Đầu tư NTP không sở hữu cổ phiếu nào.

Đây là số cổ phiếu mà Công ty NTP mua vào trong khi Chứng khoán Đà Nẵng phát hành riêng lẻ 94 triệu cổ phiếu chào bán cho các nhà đầu tư, nhằm tăng vốn điều lệ gấp 16 lần, từ 60 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng. Giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng công ty NTP đã chi 700 tỷ đồng để mua số cổ phần này và nắm quyền chi phối.

Nguồn : NDH

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG**Thống kê giao dịch khớp lệnh****TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
REE	62,100	6.88%	0.03%
GVR	35,500	0.85%	0.02%
GMD	51,000	6.47%	0.02%
LGC	63,000	6.78%	0.02%
DPM	35,800	5.60%	0.02%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
SHB	28,200	2.55%	0.31%
PHP	30,900	9.96%	0.21%
DXS	28,500	4.78%	0.11%
MVB	25,200	9.09%	0.05%
CDN	32,500	6.21%	0.04%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VIC	93,100	-1.59%	-0.12%
CTG	31,200	-2.95%	-0.09%
BID	38,600	-2.15%	-0.07%
HPG	47,700	-1.45%	-0.06%
TCB	48,300	-1.73%	-0.06%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VND	50,800	-1.36%	-0.07%
PVS	24,200	-2.42%	-0.06%
SHS	39,200	-2.49%	-0.05%
NVB	28,500	-1.72%	-0.05%
VIF	16,000	-3.03%	-0.04%

TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
CTG	31,200	-2.95%	21,097,200
KBC	37,200	2.76%	18,245,200
HPG	47,700	-1.45%	13,857,800
VHM	106,600	-0.37%	13,182,400
STB	27,100	-0.91%	13,170,400

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
SHB	28,200	2.55%	28,398,581
VND	50,800	-1.36%	7,128,466
TNG	31,200	6.48%	6,320,829
PVS	24,200	-2.42%	5,553,607
SHS	39,200	-2.49%	4,001,326

TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
VHM	106,600	-0.37%	1,408.6
SSI	61,100	-1.45%	745.7
KBC	37,200	2.76%	683.3
CTG	31,200	-2.95%	671.1
HPG	47,700	-1.45%	667.0

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
SHB	28,200	2.55%	807.5
VND	50,800	-1.36%	362.8
TNG	31,200	6.48%	192.9
SHS	39,200	-2.49%	158.3
PVS	24,200	-2.42%	136.1

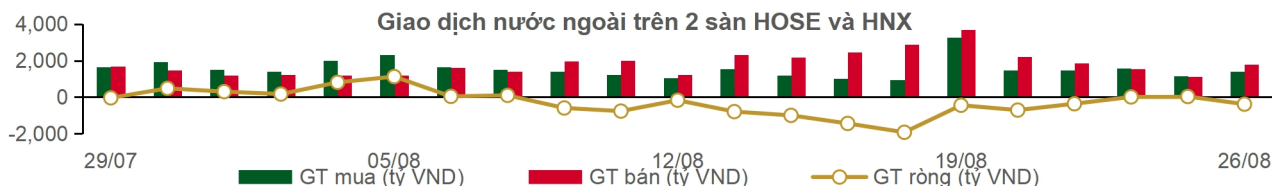
Thống kê giao dịch thỏa thuận**TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN**

HOSE		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
HPG	4,393,416	198.14
E1VFN30	4,800,000	114.55
MSB	3,360,000	100.30
MBB	2,022,981	57.84
HSG	1,539,000	55.56

HNX		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
VND	1,990,800	95.56
SHB	2,533,050	68.39
IDC	1,315,000	46.57
SHS	1,150,000	41.63
SMT	3,092,639	34.95

Thông kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	36.88	1,364.99	41.24	1,767.50	(4.37)	(402.50)
HNX	1.62	55.15	1.14	37.53	0.48	17.62
Tổng 2 sàn	38.50	1,420.14	42.38	1,805.03	(3.88)	(384.88)



TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
E1VFN30	23,990	5,775,200	137.94
MBB	28,100	4,406,000	125.50
MSB	27,900	3,376,400	100.75
FUEFVN30	24,880	2,703,900	66.86
HPG	47,700	1,373,000	66.16

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
VND	50,800	383,800	19.61
DXS	28,500	623,600	17.46
VCS	120,200	50,700	6.11
PAN	27,600	40,500	1.15
NSC	77,200	13,300	1.02

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
VHM	106,600	2,249,700	240.78
E1VFN30	23,990	4,851,200	115.79
HPG	47,700	2,360,300	113.80
MSB	27,900	3,360,000	100.30
CTG	31,200	2,983,701	94.56

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
NTP	50,800	118,300	5.86
VCS	120,200	46,449	5.58
VND	50,800	91,400	4.67
DXS	28,500	152,000	4.23
NVB	28,500	140,900	3.99

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
MBB	28,100	2,894,219	82.57
VNM	87,000	494,100	43.18
E1VFN30	23,990	924,000	22.15
DHC	83,000	224,700	18.82
SAB	147,600	108,400	15.98

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VND	50,800	292,400	14.93
DXS	28,500	471,600	13.23
PAN	27,600	40,500	1.15
BII	12,800	75,700	0.97
TVB	22,200	37,600	0.87

TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VHM	106,600	(1,923,200)	(205.87)
CTG	31,200	(2,681,801)	(84.92)
HPG	47,700	(987,300)	(47.64)
GMD	51,000	(930,000)	(47.36)
MSN	134,000	(220,700)	(29.88)

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
NTP	50,800	(118,300)	(5.86)
NVB	28,500	(138,800)	(3.93)
SHS	39,200	(86,600)	(3.44)
DXP	21,500	(76,200)	(1.63)
BCC	16,000	(64,500)	(1.00)

Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

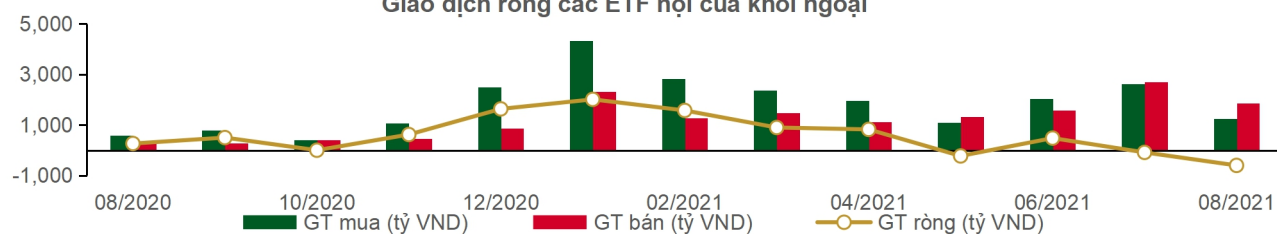
THỐNG KÊ GIÁ

Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)
E1VFN30	23,990	-0.2%	5,927,100	141.57
FUEMAV30	16,710	-0.8%	57,200	0.95
FUESSV30	19,500	2.6%	238,600	4.30
FUESSV50	21,000	-2.3%	98,000	2.09
FUESSVFL	21,000	1.4%	134,300	2.73
FUEVFN D	24,880	0.0%	2,958,000	73.16
FUEVN100	17,760	-0.5%	190,000	3.38
Tổng cộng			9,603,200	228.16

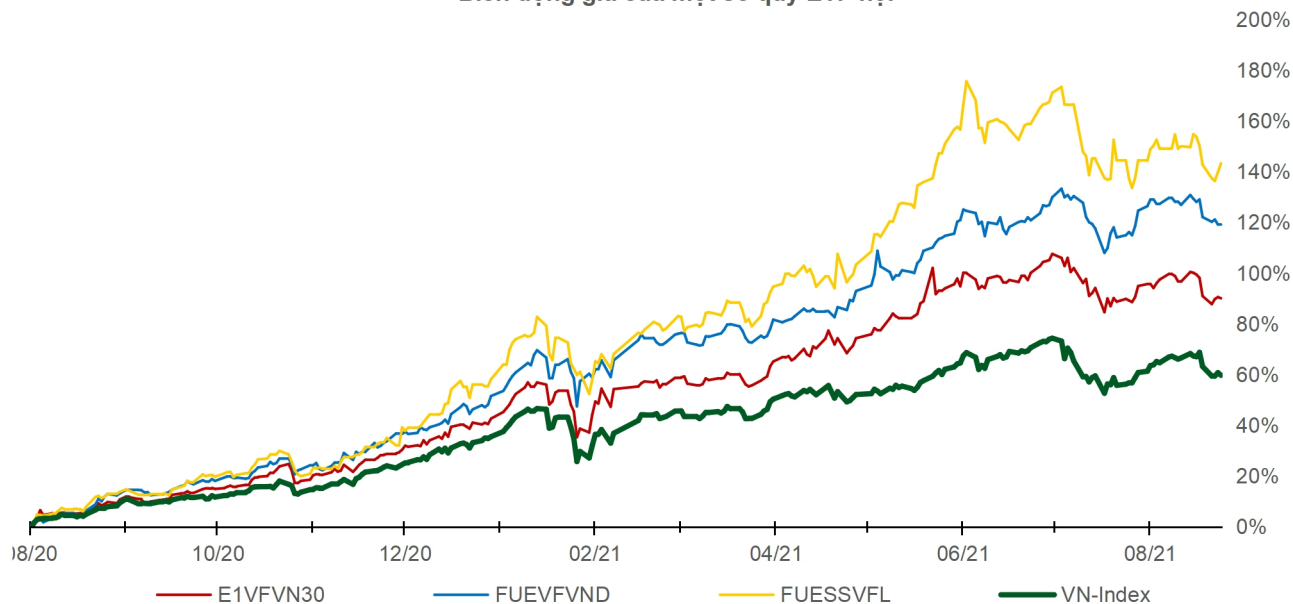
MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI

Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFN30	137.94	115.79	22.15
FUEMAV30	0.07	0.94	(0.87)
FUESSV30	0.04	3.73	(3.69)
FUESSV50	0.03	0.00	0.03
FUESSVFL	0.38	1.83	(1.45)
FUEVFN D	66.86	67.19	(0.33)
FUEVN100	0.60	1.33	(0.73)
Tổng cộng	205.92	190.81	15.11

Giao dịch ròng các ETF nội của khối ngoại



Biến động giá của một số quỹ ETF nội



Thông kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2102	5,020	0.0%	1,400	137	91,400	1,131	(3,889)	89,050	4.9	10/01/2022
CFPT2103	3,120	-0.3%	10,800	134	91,400	293	(2,827)	98,950	4.9	07/01/2022
CFPT2104	2,900	-4.3%	25,870	102	91,400	1,293	(1,607)	79,160	9.9	06/12/2021
CHDB2101	1,430	0.0%	5,130	27	26,850	742	(688)	23,920	4.0	22/09/2021
CHPG2101	5,020	-6.9%	2,100	27	47,700	4,581	(439)	34,470	2.9	22/09/2021
CHPG2109	7,390	-4.0%	1,650	137	47,700	488	(6,902)	55,000	1.0	10/01/2022
CHPG2110	2,510	-5.3%	35,530	102	47,700	878	(1,632)	44,000	5.0	06/12/2021
CKDH2101	2,050	-2.4%	2,490	27	38,150	1,755	(295)	30,300	4.5	22/09/2021
CMBB2103	3,000	-1.6%	20,550	134	28,100	45	(2,955)	34,810	1.5	07/01/2022
CMSN2101	1,960	-6.7%	4,110	27	134,000	1,768	(192)	99,150	19.8	22/09/2021
CMSN2102	1,560	-2.5%	3,450	27	134,000	1,213	(347)	110,160	19.8	22/09/2021
CMSN2104	4,580	-11.9%	15,670	251	134,000	2,341	(2,239)	118,000	10.0	04/05/2022
CMWG2104	6,200	-0.5%	4,830	(157)	162,000	(78)	(6,278)	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2106	2,710	-2.9%	14,410	134	162,000	203	(2,507)	180,000	10.0	07/01/2022
CNVL2101	4,130	-5.9%	5,480	27	103,700	4,013	(117)	56,840	11.7	22/09/2021
CNVL2102	1,420	-9.0%	13,780	32	103,700	783	(637)	94,640	11.8	27/09/2021
CPDR2102	1,290	-25.4%	18,160	32	83,500	6	(1,284)	89,000	5.0	27/09/2021
CPNJ2104	1,030	-6.4%	34,510	134	86,200	14	(1,016)	109,000	8.0	07/01/2022
CSBT2101	950	15.9%	1,490	27	21,600	0	(950)	24,670	5.0	22/09/2021
CSTB2101	3,310	-8.1%	9,450	27	27,100	2,568	(742)	22,000	2.0	22/09/2021
CSTB2105	6,000	-4.5%	2,000	137	27,100	757	(5,243)	30,000	1.0	10/01/2022
CTCB2101	20,600	0.5%	4,640	40	48,300	17,375	(3,225)	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2105	3,400	-7.9%	29,570	251	48,300	1,350	(2,050)	45,000	5.0	04/05/2022
CTCH2101	200	-20.0%	7,070	27	18,300	(0)	(200)	24,060	3.9	22/09/2021
CVHM2101	1,680	0.6%	3,230	27	106,600	59	(1,621)	106,890	16.0	22/09/2021
CVIC2101	350	-5.4%	3,420	27	93,100	(0)	(350)	112,780	17.8	22/09/2021
CVIC2103	240	-20.0%	20,220	32	93,100	(0)	(240)	147,450	17.8	27/09/2021
CVIC2104	1,630	-4.1%	11,900	134	93,100	45	(1,585)	110,210	8.9	07/01/2022
CVNM2101	290	0.0%	4,980	27	87,000	(0)	(290)	124,180	19.6	22/09/2021
CVNM2104	370	-9.8%	10,610	18	87,000	(0)	(370)	101,730	9.9	13/09/2021
CVNM2105	250	4.2%	70,380	32	87,000	(0)	(250)	117,930	19.8	27/09/2021
CVNM2106	2,450	-2.4%	2,480	140	87,000	95	(2,355)	100,000	5.0	13/01/2022
CVNM2107	1,460	-8.2%	41,600	134	87,000	60	(1,400)	98,000	10.0	07/01/2022
CVNM2108	2,000	-2.9%	35,000	102	87,000	785	(1,215)	80,000	10.0	06/12/2021
CVRE2101	250	0.0%	2,890	27	26,450	(0)	(250)	34,570	4.0	22/09/2021
CVRE2105	1,280	-1.5%	37,900	251	26,450	296	(984)	30,000	5.0	04/05/2022

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2021F (tỷ VND)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F
MSN (New)	HOSE	134,000	171,800	25/08/2021	7,375	6,059	20,833	21%	5%	28.4	8.3
FMC (New)	HOSE	41,850	46,400	20/08/2021	220	3,745	22,794	16%	11%	12.4	2.0
HPG (New)	HOSE	47,700	64,800	19/08/2021	28,065	6,261	18,845	33%	18%	10.4	3.4
ANV (New)	HOSE	29,900	27,700	16/08/2021	222	1,739	18,043	9%	4%	15.9	1.5
VIB (New)	HOSE	36,300	45,700	12/08/2021	5,298	3,411	17,841	23%	2%	13.4	2.6

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2021F (tỷ VND)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F
NLG	HOSE	41,700	49,500	11/08/2021	1,090	3,175	29,565	12%	7%	15.6	1.7
STK	HOSE	46,500	45,300	30/07/2021	239	2,835	15,598	18%	12%	16.0	2.9
PNJ	HOSE	86,200	112,600	29/07/2021	1,411	6,203	27,067	23%	15%	18.2	4.2
TCM	HOSE	72,600	65,800	28/07/2021	285	4,595	29,994	15%	9%	14.3	2.2
VNM	HOSE	87,000	118,000	28/07/2021	9,988	4,732	16,254	29%	19%	25.9	7.3
SZC	HOSE	44,400	45,800	26/07/2021	254	2,543	13,930	18%	4%	18.0	3.3
KDC	HOSE	60,100	74,000	23/07/2021	594	2,169	33,140	8%	4%	34.1	2.8
VHC	HOSE	45,700	49,500	22/07/2021	820	4,471	30,346	15%	11%	11.1	1.6
FRT	HOSE	39,500	39,000	21/07/2021	86	1,086	15,486	7%	1%	35.9	2.5
DGW	HOSE	86,000	155,000	19/07/2021	448	10,128	35,337	29%	12%	15.3	4.4
PVI	HNX	41,500	39,777	16/07/2021	928	3,964	32,723	12%	4%	10.0	1.2
BMI	HOSE	32,950	42,800	13/07/2021	310	3,395	26,601	13%	5%	12.6	1.6
DXG	HOSE	20,900	32,300	09/07/2021	1,390	1,727	14,784	13%	5%	18.7	2.1
DHC	HOSE	83,000	109,000	08/07/2021	497	8,868	31,698	28%	18%	12.3	3.4
GMD	HOSE	51,000	54,800	07/07/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	31.5	2.5
GVR	HOSE	35,500	40,200	05/07/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1
TPB	HOSE	34,100	42,600	25/06/2021	4,546	3,880	19,024	23%	2%	11.0	2.2
KDH	HOSE	38,150	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6
AAA	HOSE	17,150	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0
VRE	HOSE	26,450	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6
VHM	HOSE	106,600	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2
PHR	HOSE	50,000	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1
KBC	HOSE	37,200	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5
REE	HOSE	62,100	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4
MPC	UPCOM	37,485	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6
IMP	HOSE	68,600	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3
DHG	HOSE	94,900	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6
MWG	HOSE	162,000	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8
SAB	HOSE	147,600	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1
NVL	HOSE	103,700	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5
VGG	UPCOM	42,469	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3
VCB	HOSE	96,800	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6
ACB	HOSE	31,950	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4
TCB	HOSE	48,300	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0
GEG	HOSE	16,850	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7
BMP	HOSE	53,500	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1
CTD	HOSE	64,700	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7
FPT	HOSE	91,400	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5
VGS	HNX	29,000	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4
SMC	HOSE	45,950	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4
ACV	UPCOM	76,958	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7
PLX	HOSE	48,700	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7
SBT	HOSE	21,600	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2
QNS	UPCOM	48,153	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3
GAS	HOSE	86,300	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7
MSH	HOSE	80,000	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8
TNG	HOSE	31,200	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5
GIL	HOSE	58,400	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3
BSR	UPCOM	17,516	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2
GTN	HOSE	17,400	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3
LHG	HOSE	46,100	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0
CTR	UPCOM	80,032	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6
POW	HOSE	11,350	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0

Nguồn: PHFM

* Giá hợp lý chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phfm.vn